

Số/ No: 32/12/2025/NQ-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025  
Ho Chi Minh City, December 31<sup>st</sup>, 2025

**NGHỊ QUYẾT/ RESOLUTION**

**V/v: Ban hành Định lượng mục tiêu Môi trường - Xã hội - Quản trị  
năm 2026 và đến năm 2030 của PV Drilling**

**Re: Issuance of the ESG Targets 2026 and Vision Toward 2030 of PV Drilling**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ  
THE BOARD OF DIRECTORS  
PETROVIETNAM DRILLING & WELL SERVICE CORPORATION**



Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành/ Pursuant to the Law on Enterprises dated June 17<sup>th</sup>, 2020, and its amendments, supplements, and implementation guidelines;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PV Drilling) ngày 29/03/2008 được sửa đổi, bổ sung lần thứ Hai Mươi Hai ngày 23/04/2025;/ Pursuant to the Charter of PetroVietnam Drilling & Well Service Corporation (PV Drilling), dated 29/03/2008, as amended and supplemented for the Twenty-Second time on 23/04/2025;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị PV Drilling ngày 04/08/2021 được sửa đổi, bổ sung lần thứ Hai ngày 23/04/2025;/ Pursuant to the Operational Regulations of the Board of Directors of PV Drilling, dated 04/08/2021, as amended and supplemented for the Second time on 23/04/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09/01/2025/NQ-HĐQT ngày 06/01/2025 của Hội đồng quản trị PV Drilling về việc Ban hành Mục tiêu Môi trường - Xã hội - Quản trị của PV Drilling./ Pursuant to the Resolution No. 09/01/2025/NQ-HĐQT of the Board of Directors of PV Drilling, dated 06/01/2025 regarding the Issuance of the Environmental, Social, and Governance (ESG) Targets of PV Drilling;

Xét đề nghị của Tổng giám đốc PV Drilling tại Tờ trình số 1306/PVD-CNATCL ngày 30/12/2025 về việc Ban hành Mục tiêu định lượng Môi trường – Xã hội – Quản trị của Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí năm 2026 và đến năm 2030./ Considering the proposal of the General Director of PV Drilling as set out in Submission No. 1306/PVD-CNATCL dated December 30<sup>th</sup>, 2025 regarding the issuance of the ESG Targets 2026 and Vision Toward 2030 of PV Drilling;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị PV Drilling số 03/12/2025/BBH-HĐQT ngày 30/12/2025/ *Based on the Minutes of Meeting No. 03/12/2025/BBH-HĐQT dated 30/12/2025 of the Board of Directors of PV Drilling.*

### **QUYẾT NGHỊ/ RESOLVE:**

**Điều 1.** Phê duyệt và ban hành kèm theo Nghị quyết này **Định lượng mục tiêu Môi trường - Xã hội - Quản trị năm 2026 và đến năm 2030** của Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PV Drilling)./ *Article 1. Approve and Issue, together with this Resolution, the Environmental, Social, and Governance (ESG) Targets 2026 and Vision Toward 2030 of PetroVietnam Drilling & Well Service Corporation (PV Drilling).*

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./ *This Resolution shall take effect from the signing date.*

**Điều 3.** Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Trưởng các Ban/Văn phòng/Đơn vị liên quan của PV Drilling chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./ *Members of the Board of Directors, the President & Chief Executive Officer, the Management Personnel and the Heads of Divisions/Offices/Relevant Units of PV Drilling shall take full responsibility for the implementation of this Resolution./*

#### **Nơi nhận/ Recipients:**

- Các TV HĐQT/ *BOD members (e-copy);*
- Tổng giám đốc/ *President & CEO (e-copy);*
- PTGD/ *Vice Presidents (e-copy);*
- Ban kiểm soát/ *BOS (e-copy);*
- Ban/VP/ĐVTV/ *Divisions/Units (e-copy);*
- Ban/ *Division: TCKT (để CBTT);*
- Lưu/ *Archive: VT, TH (b).*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/  
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS  
CHỦ TỊCH/ CHAIRMAN**



**Mai Thế Toàn**

**ĐỊNH LƯỢNG MỤC TIÊU**  
**MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI – QUẢN TRỊ**  
**CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ NĂM 2026 VÀ ĐẾN NĂM 2030**  
***PV DRILLING ESG TARGETS 2026 AND VISION TOWARD 2030***

**(Đính kèm Nghị quyết của Hội đồng quản trị số: 32/12/2025/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
***Attached to Resolution of the Board of Directors No: 32/12/2025/NQ-HDQT dated December 31<sup>st</sup>, 2025*)**

PV Drilling đã thiết lập ra các chỉ tiêu và lộ trình thực hiện cho các mục tiêu ESG trọng điểm, với mong muốn thúc đẩy các mục tiêu có thể đo lường được và đảm bảo trách nhiệm thực hiện trong các nỗ lực phát triển bền vững lâu dài.

*PV Drilling has established targets and milestones across key ESG objectives, driving measurable progress and ensure accountability in long-term sustainable development efforts.*

Lấy năm 2025 làm năm cơ sở, PV Drilling đã thiết lập cả các mục tiêu hàng năm và dài hạn phù hợp với các tiêu chuẩn ngành và các khuôn khổ phát triển bền vững toàn cầu. Các mục tiêu này được xây dựng cẩn thận thông qua các cuộc thảo luận giữa Ban điều hành và Hội đồng quản trị nhằm tìm ra sự cân bằng giữa mong muốn thực hiện và tính khả thi.

*Using 2025 as a baseline year, PV Drilling has established both annual and long-term targets aligned with industry standards and global sustainability frameworks. These targets were carefully developed through discussions between the Board of Management and the Board of Directors to find a balance between aspiration and feasibility.*

Năm 2026, PV Drilling tự tin sẽ đạt được tất cả các mục tiêu về môi trường, xã hội và quản trị. Tiếp nối đà phát triển này, PV Drilling sẽ tiếp tục tìm kiếm các cơ hội để duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của mình. PV Drilling đang xem xét các mục tiêu ESG bổ sung khi mở rộng cam kết bền vững trong những năm tới.

*By 2026, PV Drilling is confident of achieving all its targets regarding environment, social and governance. Building on this momentum, PV Drilling will continue to seek opportunities to maintain and enhance its operational efficiency. PV Drilling is considering additional ESG targets as we expands our sustainability commitment for the upcoming years.*

**ĐỊNH LƯỢNG MỤC TIÊU ESG NĂM 2026 VÀ ĐẾN NĂM 2030**

***PV DRILLING ESG TARGETS 2026 AND VISION TOWARD 2030***

STT/ NO.	MỤC TIÊU/ ESG TARGETS	ĐỊNH LƯỢNG/ METRIC	DỮ LIỆU CƠ SỞ NĂM 2025/ BASELINE YEAR 2025	MỤC TIÊU NĂM 2026/ TARGETS IN 2026	MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030/ TARGETS BY 2030	GHI CHÚ/ NOTES
A	<b>MÔI TRƯỜNG/ ENVIRONMENT</b>					
	<b>Quản lý khí thải/ Emission Management</b>					
1	Giảm phát thải carbon/ Reducing carbon emissions	Phạm vi phát thải 1 & 2/ Emission Scope 1 & 2				



STT/ NO.	MỤC TIÊU/ ESG TARGETS	ĐỊNH LƯỢNG/ METRIC	DỮ LIỆU CƠ SỞ NĂM 2025/ BASELINE YEAR 2025	MỤC TIÊU NĂM 2026/ TARGETS IN 2026	MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030/ TARGETS BY 2030	GHI CHÚ/ NOTES
		Giảm cường độ phát thải trên doanh thu (tấn CO <sub>2</sub> /tỷ đồng)/ <i>Reducing emission intensity per revenue (tons of CO<sub>2</sub> per billion VND)</i>	Theo số liệu thực tế của năm 2025 (năm cơ sở)/ <i>Based on actual data of 2025 (the baseline year)</i>	Giảm 2% cường độ phát thải trên doanh thu/ <i>Reducing emission intensity per revenue by 2%</i>	Giảm 10% cường độ phát thải trên doanh thu so với năm cơ sở <i>Reducing emission intensity per revenue by 10% compared to the baseline year.</i>	
<b>Quản lý nước thải/ Wastewater Management</b>						
2	Xử lý nước thải đúng yêu cầu pháp luật/ <i>Wastewater treatment in compliance with legal requirements</i>	Tỷ lệ % lượng nước thải trên giàn khoan & cơ sở sản xuất được xử lý đúng quy định pháp luật/ <i>Percentage of wastewater from offshore platforms and production facilities treated in compliance with legal regulations</i>	100%	100%	100%	
<b>Quản lý chất thải/ Waste Management</b>						
3	Xử lý chất thải nguy hại đúng yêu cầu pháp luật/ <i>Hazardous waste treatment in compliance with legal requirements</i>	Tỷ lệ % lượng chất thải nguy hại được phân loại rác tại nguồn (tại giàn khoan/ căn cứ/ xưởng của PV Drilling) & xử lý theo đúng quy định pháp luật/ <i>Percentage of hazardous waste sorted at source (at PV Drilling's rigs/bases/workshops) and treated in compliance with legal requirements</i>	100%	100%	100%	
4	Giảm cường độ chất thải phát sinh/ <i>Reducing waste generation intensity</i>	Giảm cường độ chất thải phát sinh trong năm trên doanh thu (tấn chất thải/ tỷ đồng)/ <i>Reducing waste generation intensity per revenue (tons of waste per billion VND)</i>	Theo số liệu thực tế của năm 2025 (năm cơ sở)/ <i>Based on actual data of 2025 (the baseline year)</i>	Giảm 1% cường độ chất thải phát sinh trên doanh thu so với năm cơ sở/ <i>Reducing emission intensity per revenue by 1% compared to the baseline year</i>	Giảm 5% cường độ phát thải theo doanh thu so với năm cơ sở <i>Reducing emission intensity per revenue by 5% compared to the baseline year</i>	
<b>Quản lý năng lượng/ Energy Management</b>						
5	Giảm cường độ tiêu thụ điện/ <i>Reducing electricity consumption intensity</i>	Giảm cường độ tiêu thụ điện trên doanh thu (số Kwh điện/ doanh thu)/ <i>Reducing electricity consumption intensity per revenue (kWh per billion VND)</i>	Theo số liệu thực tế của năm 2025 (năm cơ sở)/ <i>Based on actual data of 2025 (the baseline year)</i>	Giảm 1% cường độ tiêu thụ điện trên doanh thu so với năm cơ sở/ <i>Reducing electricity consumption intensity per revenue by 1% compared to the baseline year</i>	Giảm 5% cường độ tiêu thụ điện trên doanh thu so với năm cơ sở/ <i>Reducing electricity consumption intensity per revenue by 5% compared to the baseline year</i>	
<b>Tác động môi trường/ Environmental Impact</b>						
6	Tránh và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường/ <i>Avoid or minimize negative environmental impacts</i>	Số lượng vụ tràn dầu đáng kể (> 100 lít)/ <i>Number of significant oil spills (&gt; 100 litres)</i>	Không có vụ tràn dầu đáng kể nào xảy ra/ <i>Zero significant oil spills</i>	Không có vụ tràn dầu đáng kể nào xảy ra/ <i>Zero significant oil spills</i>	Không có vụ tràn dầu đáng kể nào xảy ra/ <i>Zero significant oil spills</i>	

02  
T  
G T  
H VÀ  
D  
P H

STT/ NO.	MỤC TIÊU/ ESG TARGETS	ĐỊNH LƯỢNG/ METRIC	DỮ LIỆU CƠ SỞ NĂM 2025/ BASELINE YEAR 2025	MỤC TIÊU NĂM 2026/ TARGETS IN 2026	MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030/ TARGETS BY 2030	GHI CHÚ/ NOTES
7	Tuân thủ quy định pháp luật về môi trường/ <i>Comply with environmental laws and regulations.</i>	Số lượng vụ vi phạm pháp luật liên quan đến môi trường/ <i>The number of environmental law violations</i>	Không có vụ vi phạm pháp luật liên quan đến môi trường/ <i>Zero environmental law violations</i>	Không có vụ vi phạm pháp luật liên quan đến môi trường/ <i>Zero environmental law violations</i>	Không có vụ vi phạm pháp luật liên quan đến môi trường/ <i>Zero environmental law violations</i>	
<b>B</b>	<b>XÃ HỘI/ SOCIAL</b>					
<b>Sức khỏe &amp; An toàn/ Health &amp; Safety</b>						
8	An toàn cho người lao động/ <i>Occupational safety</i>	Số sự cố gây mất thời gian lao động (LTI)/ <i>Number of Lost Time Incident</i>	Theo số liệu thực tế của năm 2025 (năm cơ sở)/ <i>Based on actual data of 2025 (the baseline year)</i>	Không có LTI/ <i>Zero LTI</i>	Không có LTI/ <i>Zero LTI</i>	
		Tần suất xảy ra sự cố cần ghi nhận (số sự cố cần ghi nhận/ 1 triệu giờ công) (TRFR)/ <i>Total Recordable Frequency Rate (TRFR) = (number of recordable incidents x 1,000,000 / Total man-hours)</i>	Theo số liệu thực tế của năm 2025 (năm cơ sở)/ <i>Based on actual data of 2025 (the baseline year)</i>	1.00	1.00	
9	Sự tham gia của Người lao động vào chương trình thẻ quan sát an toàn (PVD card)/ <i>Employee participation in the safety observation card program (PVD card)</i>	Số thẻ PVD Card/người/năm <i>Number of PVD Cards per person per year</i>	Theo số liệu thực tế của năm 2025 (năm cơ sở)/ <i>Based on actual data of 2025 (the baseline year)</i>	Tăng 2 thẻ PVD Card/người/năm so với năm cơ sở/ <i>Increase by 2 PVD Cards per person per year compared to the baseline year</i>	Tăng 10 thẻ PVD Card/người/năm so với năm cơ sở/ <i>Increase by 10 PVD Cards per person per year compared to the baseline year</i>	
<b>Đào tạo &amp; nâng cao năng lực/ Training &amp; Capacity Improvement</b>						
10	Đào tạo & nâng cao năng lực cho người lao động/ <i>Training &amp; Capacity Improvement for employees</i>	Tỷ lệ % các khóa đào tạo cho NLD khỏi giàn khoan được tổ chức/ tổng số khóa yêu cầu theo ma trận đào tạo/ <i>Percentage of implemented courses for rig crew according to the mandatory requirements training matrix / Total mandatory courses</i>	Theo số liệu thực tế của năm 2025 (năm cơ sở)/ <i>Based on actual data of 2025 (the baseline year)</i>	80%	85%	
<b>An sinh xã hội/ Social security</b>						
11	Đóng góp vào công tác an sinh xã hội/ <i>Contributing to social welfare</i>	Số tiền đóng thực hiện công tác an sinh xã hội hàng năm (tỷ đồng)/ <i>Annual amount contributed to social welfare activities (billion VND)</i>	31 tỷ đồng/năm <i>31 billion VND/year</i>	40 tỷ đồng/năm <i>40 billion VND/year</i>	50 tỷ đồng/năm <i>50 billion VND/year</i>	



STT/ NO.	MỤC TIÊU/ ESG TARGETS	ĐỊNH LƯỢNG/ METRIC	DỮ LIỆU CƠ SỞ NĂM 2025/ BASELINE YEAR 2025	MỤC TIÊU NĂM 2026/ TARGETS IN 2026	MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030/ TARGETS BY 2030	GHI CHÚ/ NOTES
C	<b>QUẢN TRỊ/ GOVERNANCE</b>					
<b>Quản trị &amp; đạo đức/ Governance &amp; Ethics</b>						
12	Cam kết về tính chính trực/ <i>Commitment to integrity</i>	Số lượng vụ tham nhũng được xác nhận trong năm căn cứ theo công bố của cơ quan có thẩm quyền/ <i>The number of confirmed corruption cases based on announcements from competent authorities</i>	Không có vụ tham nhũng nào xảy ra/ <i>Zero confirmed corruption cases</i>	Không có vụ tham nhũng nào xảy ra/ <i>Zero confirmed corruption cases</i>	Không có vụ tham nhũng nào xảy ra/ <i>Zero confirmed corruption cases</i>	
13	Cam kết nâng cao năng lực quản trị/ <i>Commitment to enhancing corporate governance capacity</i>	Thứ hạng về quản trị công ty trong Top doanh nghiệp tiên phong nâng cao quản trị công ty VNCG50; Top Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất - nhóm vốn hóa lớn/ <i>Ranking Corporate governance within the Vietnam Corporate Governance 50 Index (VNCG 50); Top Best Corporate Governance - Large Cap Group - Vietnam Listed Company Award (VLCA)</i>	Nằm trong top 20 VNCG, Top 10 Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất - nhóm vốn hóa lớn;/ <i>Ranked among the top 20 VNCG, Top 10 Best Corporate Governance - Large Cap Group - VLCA</i>	Nằm trong top 20 VNCG, Top 10 Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất - nhóm vốn hóa lớn;/ <i>Ranked among the top 20 VNCG, Top 10 Best Corporate Governance - Large Cap Group - VLCA</i>	Nằm trong top 10 VNCG, Top 10 Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất - nhóm vốn hóa lớn, tiệm cận tiêu chuẩn ACGS của quốc tế/ <i>Ranked among the top 10 VNCG, Top 10 Best Corporate Governance - Large Cap Group - VLCA, approaching international standards under the ASEAN Corporate Governance Scorecard (ACGS).</i>	

